

Số: 1077/2019/QĐST-HNGĐ

Quận 3, ngày 24 tháng 10 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào các Điều 149, 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1054/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2019 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1/. Bà Đ.T.P, sinh năm 1967

Địa chỉ: Số 575/32, đường C, phường H, quận B, TP. Hồ Chí Minh.

2/. Ông K.V.H, sinh năm 1968

Địa chỉ: Số 519/49, đường C', phường PT, quận P', TP. Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 42, Quyền số 1/99 do Ủy ban nhân dân phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/6/1999 cho bà Đ.T.P và ông K.V.H nên quan hệ hôn nhân của bà P – ông H là hôn nhân hợp pháp, được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đ.T.P và ông K.V.H đều xác nhận do vợ chồng bất đồng ý kiến dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên cả hai đều thuận tình ly hôn. Việc thuận tình ly hôn của bà P – ông H là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên được công nhận.

[3] Về con chung: Bà P – ông H đều xác nhận quá trình chung sống có 01 con chung là K.B.H sinh ngày 26/1/1999, hiện đã trưởng thành.

[4] Về tài sản: Bà P – ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 16 tháng 10 năm 2019, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đ.T.P và ông K.V.H thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Có 01 con chung là K.B.H sinh ngày 26/1/1999, hiện đã trưởng thành.
- Về tài sản: Bà P, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, bà P – ông H phải chịu và được tính căn trừ vào tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tiền số 0014725 ngày 03/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B. Bà Đ.T.P – ông K.V.H đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận B;
- Chi cục THADS quận B;
- UBND phường H, quận B;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Ánh Phượng